

ĐỀ CƯƠNG ÔN KIỂM TRA CUỐI KỲ 2

A. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Mẫu định dạng nào dưới đây là CSS nội tuyến?

- A. `<style> p {color: green;} </style>`
- B. `<link rel="stylesheet" href="styles.css">`
- C. `<p style="color: green;">Text</p>`
- D. `h1 {color: green;}`

Câu 2: Tại sao việc sử dụng CSS có lợi hơn việc định dạng HTML trực tiếp?

- A. CSS không cần phải viết mã
- B. CSS giúp tách nội dung và định dạng, giảm công việc và tăng tính đồng nhất
- C. CSS làm cho trang web không cần thiết phải định dạng
- D. CSS không hỗ trợ đa dạng kiểu định dạng

Câu 3: Trong CSS, thuộc tính line-height dùng để:

- A. Định nghĩa chiều cao của phần tử
- B. Thiết lập khoảng cách giữa các dòng văn bản
- C. Định nghĩa độ rộng của chữ
- D. Thiết lập khoảng cách giữa các ký tự

Câu 3: Để căn lề dòng đầu tiên của đoạn văn bản trong CSS, ta dùng thuộc tính nào?

- A. text-align
- B. margin
- C. text-indent
- D. padding

Câu 5: Tính kế thừa trong CSS có nghĩa là gì?

- A. Một thuộc tính chỉ áp dụng cho một phần tử cụ thể
- B. Một thuộc tính CSS áp dụng cho phần tử cha cũng được áp dụng cho các phần tử con, cháu
- C. CSS chỉ áp dụng cho phần tử cuối cùng trong cây DOM
- D. Không có sự kế thừa trong CSS

Câu 3: Trong CSS, thuộc tính text-align: center; dùng để:

- A. Căn lề trái cho văn bản
- B. Căn lề phải cho văn bản
- C. Căn giữa văn bản
- D. Căn đều hai bên văn bản

Câu 7: Ký hiệu trong CSS có nghĩa là gì?

- A. Áp dụng cho các phần tử đặc biệt
- B. Áp dụng cho tất cả các phần tử HTML
- C. Chỉ áp dụng cho phần tử cha
- D. Không có ý nghĩa gì trong CSS

Câu 8: Thuộc tính nào có ưu tiên cao nhất trong CSS khi được sử dụng cùng với !important?

- A. color
- B. font-size
- C. margin
- D. Tất cả các thuộc tính với !important

Câu 4: Phần tử nào sau đây không phải là loại phông chữ trong CSS?

- A. Serif
- B. Sans-serif
- C. Monospace
- D. Symbolic

Câu 10: Để thiết lập chiều cao dòng bằng 150% của chiều cao dòng phần tử cha, ta sử dụng:

- A. line-height: 150%;
- B. line-height: 1.5;
- C. line-height: 150px;
- D. Cả a và b đều đúng

Câu 11: Trong hệ màu HSL, giá trị nào biểu thị độ bão hòa của màu?

- A. H (Hue)
- B. S (Saturation)
- C. L (Lightness)
- D. A (Alpha)

Câu 12: Thuộc tính CSS nào sau đây không có tính kế thừa?

- A. color
- B. background-color
- C. border
- D. font-size

Câu 5: Mã màu hexa #ff0000 biểu thị màu gì trong hệ RGB?

- A. Màu xanh lá cây B. Màu xanh dương C. Màu đỏ D. Màu đen

Câu 14: Bộ chọn CSS nào áp dụng định dạng cho các phần tử <p> là con trực tiếp của <div>?

- A. div p B. div > p C. div + p D. div ~ p

Câu 6: Mã rgb(0, 255, 0) đại diện cho màu nào trong hệ màu RGB?

- A. Màu đỏ B. Màu xanh lá cây C. Màu xanh dương D. Màu vàng

Câu 16: Để làm cho tất cả văn bản trong trang web có màu xám, bạn sử dụng thuộc tính CSS nào?

- A. background-color: gray; B. border: gray;
C. color: gray; D. font-color: gray;

Câu 17: Trong CSS, thuộc tính background-color được sử dụng để làm gì?

- A. Định dạng màu viền B. Định dạng màu nền
C. Định dạng màu chữ D. Định dạng cỡ chữ

Câu 18: Để áp dụng một màu cụ thể cho tất cả các phần tử HTML trong trang, bạn sử dụng bộ chọn CSS nào?

- A. body B. * C. html D. all

Câu 19: Phần tử khối trong HTML thường có đặc điểm gì?

- A. Luôn nằm trong một phần tử khác B. Không có chiều rộng cố định
C. Bắt đầu từ đầu hàng và kéo dài suốt chiều rộng của trang web D. Luôn là phần tử inline

Câu 7: Thuộc tính display: none; trong CSS có tác dụng gì?

- A. Chuyển phần tử thành phần tử inline B. Chuyển phần tử thành phần tử block
C. Ẩn phần tử mà không hiển thị trên trang web D. Chuyển phần tử thành phần tử nội tuyến

Câu 8: Các thuộc tính khung trong CSS không áp dụng được cho loại phần tử nào?

- A. Phần tử khối B. Phần tử nội tuyến
C. Phần tử block D. Phần tử với ID cụ thể

Câu 22: Để định dạng một nhóm phần tử có cùng ý nghĩa, ta nên sử dụng bộ chọn nào?

- A. ID B. Class C. Inline D. Block

Câu 23: Mỗi phần tử HTML có thể có bao nhiêu ID?

- A. Nhiều ID B. Một ID C. Không có ID D. Tùy thuộc vào phần tử

Câu 24: Khi đặt tên cho ID và class, điều nào không đúng?

- A. Tên phải phân biệt chữ hoa và chữ thường B. Tên bắt đầu bằng số
C. Không chứa dấu cách và các ký tự đặc biệt D. Phải có ít nhất một ký tự không phải là số

Câu 9: Bộ chọn CSS với ID được viết như thế nào?

- A. .idname {thuộc tính: giá trị;} B. #idname {thuộc tính: giá trị;}
C. id=idname {thuộc tính: giá trị;} D. .id {thuộc tính: giá trị;}

Câu 26: Trong HTML, các phần tử bảng được tạo bằng thẻ nào?

- A. <div> B. <p> C. <table> D.

Câu 27: Để định dạng ô tiêu đề trong bảng HTML, ta sử dụng thẻ nào?

- A. <td> B. <th> C. <tr> D. <caption>

Câu 28: Phần tử có thể thuộc nhiều class bằng cách nào?

- A. Dùng dấu phẩy giữa các tên class B. Dùng dấu chấm giữa các tên class
C. Đặt các tên class cách nhau bởi dấu cách D. Không thể có nhiều class

Câu 10: Pseudo-class được sử dụng để:

- A. Định nghĩa kiểu chữ đặc biệt
B. Tạo các lớp giả định của phần tử HTML
C. Thay đổi màu nền của trang web
D. Tạo hiệu ứng động cho các hình ảnh

Câu 30: Cú pháp đúng để áp dụng pseudo-element trong CSS là:

- A. `::pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}`
B. `pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}`
C. `:pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}`
D. `::pseudo-class {thuộc tính : giá trị ;}`

Câu 31: Trong trường hợp có nhiều mẫu định dạng CSS áp dụng cho cùng một phần tử, quy tắc nào được áp dụng?

- A. Mẫu định dạng đầu tiên trong tệp CSS
B. Mẫu định dạng có thuộc tính màu sắc
C. Mẫu định dạng có trọng số cao nhất
D. Mẫu định dạng có thứ tự cuối cùng

Câu 32: Trọng số CSS không bao gồm yếu tố nào sau đây?

- A. Số lượng ID
B. Số lượng class
C. Số lượng thẻ HTML
D. Số lượng thuộc tính

Câu 33: Pseudo-class `:hover` được sử dụng để:

- A. Thay đổi nội dung của phần tử khi nhấn vào
B. Thay đổi kiểu chữ khi chuột di chuyển qua
C. Ẩn phần tử khi trang được tải
D. Tạo hiệu ứng động khi trang cuộn

Câu 34: Nguyên tắc ưu tiên trong CSS được xác định bằng:

- A. Thứ tự xuất hiện của các quy tắc trong tệp CSS
B. Số lượng phần tử trong trang HTML
C. Số lượng liên kết trong tệp CSS
D. Tính kế thừa và trọng số của các bộ chọn

Câu 35: Pseudo-element `::before` thường được sử dụng để:

- A. Thêm nội dung trước phần tử
B. Thay đổi màu nền của phần tử
C. Thêm đường viền cho phần tử
D. Thay đổi kích thước của phần tử

Câu 36: Trọng số của một mẫu định dạng CSS được xác định dựa trên:

- A. Vị trí của tệp CSS trong trang
B. Số lượng các kiểu chữ khác nhau
C. Số lượng ID, class và thẻ HTML
D. Số lượng các màu sắc được sử dụng

Câu 37: Nếu một phần tử HTML có cả ID và class, mẫu định dạng nào sẽ được ưu tiên?

- A. Mẫu định dạng với ID
B. Mẫu định dạng với class
C. Mẫu định dạng được viết sau cùng
D. Mẫu định dạng với thuộc tính màu sắc

Câu 38: Pseudo-class `:first-child` được sử dụng để:

- A. Áp dụng định dạng cho phần tử đầu tiên trong một nhóm
B. Áp dụng định dạng cho phần tử cuối cùng trong một nhóm
C. Áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử trong nhóm
D. Áp dụng định dạng cho phần tử duy nhất trong nhóm

Hướng dẫn cách tính trọng số của các mẫu định dạng sau:

- a) `#n12 > .test ::first-letter` □ 1 id + 1 lớp + 1 pt giả = 100 + 10 + 1 = 111
b) `h1, h2 > #new :action` □ 2 phần tử + 1 id + 1 lớp giả = 2 + 100 + 10 = 112
c) `p + em .test` □ 2 phần tử + 1 lớp = 2 + 10 = 12
d) `p > em` □ 1 + 1 = 2
e) `.test #p11 :hover` □ 10 + 100 + 10 = 120
f) `p .test em .more` □ 1 + 10 + 1 + 10 = 22
g) `p > em #p123 ::first-line` □ 1 + 1 + 100 = 103

Câu 39: Trọng số của bộ chọn nào cao nhất?

- A. #id B. .class C. p D. *

Câu 40: Trọng số của bộ chọn div #main .content p là bao nhiêu?

- A. 111 B. 101 C. 011 D. 112

Câu 41: Trong CSS, bộ chọn nào có trọng số thấp nhất?

- A. * B. p C. .class D. #id

Câu 42: Nếu một phần tử bị ảnh hưởng bởi cả hai bộ chọn sau, quy tắc nào được áp dụng?

```
#box { color: red; }
```

```
.box { color: blue; }
```

- A. Màu đỏ B. Màu xanh
C. Màu mặc định của trình duyệt D. Cả hai màu xen kẽ

Câu 43: Bộ chọn nào có trọng số cao nhất?

- A. h1.title B. #main h1
C. div p a D. .container .content

Câu 44: Trọng số của bộ chọn ul #menu .item a là bao nhiêu?

- A. 112 B. 121 C. 022 D. 103

Câu 45: Bộ chọn nào có trọng số thấp nhất?

- A. nav ul li a B. #header a C. .nav a D. * a

Câu 46: Trọng số của bộ chọn h1 #title .big .red là bao nhiêu?

- A. 121 B. 111 C. 021 D. 102

Câu 47: Chuyên gia quản trị mạng có nhiệm vụ chính nào sau đây?

- A. Thiết kế đồ họa B. Quản lý và duy trì hệ thống mạng
C. Lập trình phần mềm ứng dụng D. Kiểm thử phần mềm

Câu 48: Trong bảo mật hệ thống thông tin, chuyên gia cần hiểu biết về gì?

- A. Phát triển web B. Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO)
C. Phương thức tấn công mạng như DoS D. Thiết kế giao diện người dùng

Câu 49: Kỹ năng mềm quan trọng nhất mà chuyên gia quản trị hệ thống cần có là gì?

- A. Kỹ năng vẽ đồ họa B. Kỹ năng giao tiếp và quản lý thời gian
C. Kỹ năng nấu ăn D. Kỹ năng lái xe

Câu 14: Tại sao nhu cầu về chuyên gia bảo mật thông tin ngày càng tăng?

- A. Do sự phát triển của lĩnh vực giải trí
B. Do nguy cơ tấn công mạng ngày càng phức tạp
C. Do sự phát triển của thể thao điện tử
D. Do nhu cầu về game trực tuyến

Câu 51: Một trong những yêu cầu chính đối với chuyên gia quản trị mạng là gì?

- A. Kỹ năng chỉnh sửa video
B. Kỹ năng nấu ăn
C. Kiến thức về cấu trúc và hoạt động của mạng máy tính
D. Kỹ năng viết lách

Câu 13: Trong lĩnh vực quản trị hệ thống, điều gì là quan trọng nhất?

- A. Khả năng sáng tạo
- B. Khả năng lập trình
- C. Kiến thức sâu về quản lý hệ điều hành
- D. Khả năng thiết kế đồ họa

Câu 53: Các cơ sở giáo dục ở Việt Nam cung cấp ngành học nào liên quan đến nhóm nghề quản trị?

- A. Y học
- B. Nghệ thuật biểu diễn
- C. Quản trị mạng máy tính
- D. Du lịch

Câu 54: Lý do gì khiến chuyên gia quản trị hệ thống cần hiểu về luật pháp và quy định?

- A. Để phát triển ứng dụng di động
- B. Để tạo ra trò chơi điện tử
- C. Để tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin
- D. Để viết sách

Câu 55: Mức độ tăng trưởng nhân lực trong ngành quản trị hệ thống thông tin là do yếu tố nào?

- A. Sự phát triển của ngành nông nghiệp
- B. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0
- C. Sự giảm sút trong ngành công nghiệp
- D. Tăng trưởng trong ngành thời trang

Câu 15: Mục tiêu chính của hội thảo hướng nghiệp là gì?

- A. Tìm hiểu về các phần mềm mới
- B. Thảo luận về các ngành nghề không liên quan đến công nghệ thông tin
- C. Tìm hiểu các ngành nghề sử dụng nhân lực công nghệ thông tin và vai trò của chuyên viên công nghệ thông tin trong các lĩnh vực đó
- D. Kết nối với các doanh nghiệp lớn

Câu 57: Thành phần tham gia trong hội thảo hướng nghiệp bao gồm những ai?

- A. Chỉ có sinh viên
- B. Các chuyên viên công nghệ thông tin
- C. Giáo viên và chuyên gia
- D. Tất cả các lựa chọn trên

Câu 16: Một trong những nhiệm vụ của ban tổ chức hội thảo là gì?

- A. Thực hiện các bài kiểm tra về công nghệ thông tin
- B. Tổ chức các buổi dã ngoại cho sinh viên
- C. Phân công các nhiệm vụ tổ chức và đảm bảo thông tin được cập nhật cho các nhóm
- D. Tạo ra các trò chơi giải trí

Câu 59: Trong hội thảo, các nhóm sẽ chuẩn bị bài trình bày về gì?

- A. Các hoạt động thể thao
- B. Các lĩnh vực không liên quan đến công nghệ thông tin
- C. Các lĩnh vực sử dụng nhân lực công nghệ thông tin
- D. Các sản phẩm thủ công

Câu 60: Thời hạn nộp bài trình bày cho ban tổ chức là khi nào?

- A. Một tuần trước hội thảo
- B. Một ngày trước hội thảo
- C. Hai ngày trước hội thảo
- D. Một tháng trước hội thảo

Câu 61: Trong quá trình chuẩn bị bài trình bày, bước nào là bước đầu tiên?

- A. Thu thập thông tin
- B. Lập dàn ý bài trình bày
- C. Báo cáo thử
- D. Chọn lọc thông tin

Câu 62: Nội dung nào dưới đây không phải là một phần của hội thảo hướng nghiệp?

- A. Thảo luận về các ngành nghề và lĩnh vực sử dụng nhân lực công nghệ thông tin

B. Trình bày các kỹ thuật làm vườn

C. Vai trò của chuyên viên công nghệ thông tin trong các lĩnh vực

D. Thông tin về ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục liên quan

Câu 63: Một yêu cầu trong nhiệm vụ tổ chức hội thảo là gì?

A. Mua sắm các thiết bị điện tử

B. Tổ chức sự kiện âm nhạc

C. Đảm bảo hội thảo được tổ chức theo đúng kế hoạch

D. Tham gia các trò chơi giải trí

Câu 64: Nội dung gợi ý cho hội thảo bao gồm việc chọn lĩnh vực nào?

A. Thể thao và nghệ thuật

B. Y tế, giáo dục, tài chính, kinh doanh, truyền thông và giải trí

C. Nông nghiệp và lâm nghiệp

D. Du lịch và khách sạn

Câu 11: Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính có nhiệm vụ gì? A. Chỉ bảo trì phần cứng

B. Hỗ trợ kỹ thuật cho người dùng

C. Chỉ sửa chữa phần mềm

D. Chỉ cung cấp phần mềm mới

Câu 66: Người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần thực hiện công việc gì liên quan tới phần cứng?

A. Chỉ cài đặt phần mềm

B. Kiểm soát và duy trì hoạt động của máy tính

C. Lắp đặt phần mềm bảo mật

D. Cập nhật hệ điều hành

Câu 67: Một trong những công việc liên quan đến phần mềm trong sửa chữa và bảo trì máy tính là gì?

A. Thay thế bo mạch chủ

B. Lắp đặt thêm thiết bị mạng

C. Cài đặt, cấu hình các phần mềm thông dụng

D. Thay màn hình có độ phân giải cao

Câu 68: Khi sửa chữa phần cứng, điều gì cần được xác định?

A. Loại phần mềm đang sử dụng

B. Nguyên nhân hỏng thiết bị

C. Địa chỉ IP của máy tính

D. Phiên bản hệ điều hành

Câu 12: Một trong những kỹ năng mềm cần thiết cho người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính là gì?

A. Kỹ năng thiết kế đồ họa

B. Kỹ năng giao tiếp

C. Kỹ năng lập trình web

D. Kỹ năng kế toán

Câu 70: Người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần có kiến thức gì về mạng máy tính?

A. Chỉ biết cách lắp đặt phần cứng

B. Có kiến thức cơ bản về kết nối và cấu hình mạng

C. Chỉ cần biết cài đặt phần mềm

D. Chỉ cần hiểu về hệ điều hành

Câu 71: Ngành học nào chú trọng đào tạo về nguyên lý hoạt động và giải quyết các vấn đề phức tạp?

A. Trung cấp nghề

B. Cao đẳng nghề

C. Đại học

D. Đào tạo ngắn hạn

Câu 72: Một trong những nhiệm vụ chính của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính liên quan đến phần mềm là gì?

A. Thay ổ cứng

B. Cài đặt hoặc cập nhật driver

C. Lắp ráp linh kiện máy tính

D. Bảo trì mạng cục bộ

Câu 73: Một trong những yêu cầu kiến thức chung cho nghề sửa chữa và bảo trì máy tính là gì?

A. Kỹ năng kế toán

B. Kỹ năng lập trình Java

C. Kiến thức về phần cứng

D. Kiến thức về nghệ thuật

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Xác định tính đúng sai của các phát biểu sau:

- a) CSS là viết tắt của "Cascading Style Sheets", là một ngôn ngữ độc lập với HTML để thiết lập các mẫu định dạng cho trang web.
- b) Cấu trúc tổng quát của một mẫu định dạng CSS bao gồm bộ chọn và vùng mô tả, với vùng mô tả chứa ít nhất một quy định.
- c) CSS chỉ có thể được thiết lập qua tệp CSS ngoài, không thể được sử dụng nội tuyến trong các thẻ HTML.
- d) Một tệp CSS có thể được áp dụng cho nhiều trang web, giúp đồng bộ hóa định dạng và tiết kiệm thời gian chỉnh sửa.

Câu 2: Xác định tính đúng sai của các phát biểu sau:

- a) CSS nội tuyến là cách thiết lập CSS trực tiếp trong thẻ HTML bằng thuộc tính style.
- b) Để kết nối tệp CSS ngoài với tệp HTML, bạn có thể sử dụng thẻ <link> hoặc lệnh @import.
- c) Cấu trúc CSS đơn giản nhất chỉ bao gồm bộ chọn mà không cần vùng mô tả.
- d) CSS trong là cách đưa toàn bộ mẫu định dạng vào bên trong thẻ <style> và đặt trong phần <head> của tệp HTML.

Câu 1: Đánh dấu Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

- a) CSS có thể định dạng phông chữ bằng cách sử dụng thuộc tính font-family.
- b) Phông chữ Monospace trong CSS có chiều rộng các ký tự khác nhau.
- c) Thuộc tính color trong CSS có thể được sử dụng để thiết lập màu nền của phần tử.
- d) CSS cho phép thiết lập độ dày nét chữ bằng thuộc tính font-weight.

Câu 4: Đánh dấu Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

- a) Trong CSS, thuộc tính line-height dùng để thiết lập khoảng cách giữa các đường cơ sở của các dòng văn bản.
- b) Thuộc tính text-indent được sử dụng để căn giữa văn bản.
- c) Khi nhiều mẫu định dạng CSS áp dụng cho một phần tử HTML, thuộc tính được viết sau cùng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- d) Ký hiệu !important trong CSS giúp tăng độ ưu tiên của một thuộc tính, bất kể thứ tự của nó trong tệp CSS.

Câu 5: Phát biểu sau đây đúng hay sai về Hệ màu CSS và các thuộc tính màu?

- a) Hệ màu RGB sử dụng ba giá trị từ 0 đến 255 để biểu diễn màu sắc.
- b) Mã màu hexa #rrggbb trong CSS biểu diễn màu sắc bằng hệ thập phân.
- c) Hệ màu HSL trong CSS có ba thành phần: Hue, Saturation, và Brightness.
- d) Thuộc tính background-color được sử dụng để thiết lập màu chữ.

Câu 6: Đánh dấu đúng hay sai về các bộ chọn CSS và ứng dụng của chúng?

- a) Bộ chọn div p áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử <p> là con trực tiếp của <div>.
- b) Bộ chọn div > p áp dụng định dạng cho các phần tử <p> là con trực tiếp của <div>.
- c) Bộ chọn em + strong áp dụng định dạng cho phần tử ngay sau phần tử .
- d) Bộ chọn h1 ~ p áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử <p> sau phần tử <h1>, không cần phải là con trực tiếp của nó.

Câu 7: Đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho mỗi ý sau:

- a) Phần tử khối thường bắt đầu từ đầu hàng và kéo dài suốt chiều rộng của trang web.
- b) Phần tử nội tuyến có thể chứa các phần tử khối.
- c) Thuộc tính display: none; làm ẩn phần tử trên trang web.
- d) Tất cả các phần tử HTML đều thuộc loại phần tử khối.

Câu 2: Đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho mỗi ý sau:

- a) Phần tử khối có thể thiết lập khung với đầy đủ tính chất như chiều cao và chiều rộng.
- b) Phần tử nội tuyến có thể thiết lập chiều cao và chiều rộng của khung.
- c) Các thuộc tính liên quan đến khung có tính kế thừa.
- d) Bộ chọn lớp (class) được sử dụng để định dạng chung cho nhóm phần tử có cùng ý nghĩa.

Câu 9: Phát biểu về kiểu bộ chọn dạng pseudo-class và pseudo-element sau đúng hay sai?

- a) Bộ chọn pseudo-class (lớp giả) được viết sau dấu hai chấm (:) theo cú pháp: :pseudo-class {thuộc tính: giá trị;}.
- b) Bộ chọn pseudo-element (phần tử giả) được viết sau dấu hai chấm kép (::) theo cú pháp: ::pseudo-element {thuộc tính: giá trị;}.
- c) Pseudo-class mô tả các trạng thái đặc biệt của phần tử HTML, còn pseudo-element mô tả các phần nhỏ hơn của phần tử HTML.
- d) Trong CSS, các lớp giả và phần tử giả đều có thể định dạng các trạng thái và phần tử của HTML.

Câu 10: Phát biểu say đây đúng hay sai về mức độ ưu tiên khi áp dụng CSS?

- a) Trong CSS, tính kế thừa và quy định về thứ tự cuối cùng (cascading) có mức ưu tiên cao hơn trọng số của bộ chọn.
- b) Khi có nhiều mẫu định dạng CSS có thể áp dụng cho một phần tử HTML, mẫu CSS có trọng số cao nhất sẽ được ưu tiên áp dụng.
- c) Quy định về thứ tự ưu tiên của CSS được mô tả trong Bảng 17.3 và tính trọng số của CSS được mô tả trong Bảng 17.4.
- d) Trọng số của mẫu định dạng CSS được tính bằng tổng giá trị trọng số của các phần tử trong bộ chọn CSS.

Câu 11: Chuyên gia quản trị trong ngành Công nghệ thông tin thực hiện những công việc sau đây đúng hay sai?

- a) Quản lý và duy trì hệ thống mạng.
- b) Lập trình ứng dụng di động.
- c) Bảo vệ dữ liệu và hệ thống khỏi các mối đe dọa mạng.
- d) Cài đặt và cấu hình phần cứng máy tính.

Câu 3: Những yêu cầu kiến thức sau đây là cần thiết cho chuyên gia quản trị hệ thống? Đúng hay sai?

- a) Kiến thức về cấu trúc và hoạt động của mạng máy tính.
- b) Kiến thức về lập trình web.
- c) Hiểu biết về luật pháp và tuân thủ quy định bảo mật thông tin.
- d) Kỹ năng giao tiếp và quản lý thời gian.

Câu 13: Người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần thực hiện các công việc sau đúng hay sai?

- a) Xác định và khắc phục lỗi phần cứng khi có sự cố xảy ra.
- b) Chỉ làm việc với phần cứng và không liên quan đến phần mềm.
- c) Lắp đặt, sửa chữa hoặc thay thế các linh kiện máy tính bị hỏng.

d) Cập nhật các phiên bản mới của phần mềm để đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Câu 14: Những kiến thức và kỹ năng cần thiết sau đây cho người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính đúng hay sai?

a) Hiểu biết về các thành phần cơ bản của máy tính và cách kiểm tra, tháo lắp, sửa chữa hoặc thay thế phần cứng khi cần thiết.

b) Chỉ cần biết cách sử dụng các công cụ phần cứng cơ bản mà không cần kiến thức về phần mềm.

c) Kỹ năng giải quyết vấn đề và quản lý thời gian là không cần thiết trong nghề này.

d) Có kiến thức cơ bản về mạng máy tính, bao gồm các phương pháp kết nối và cấu hình mạng cục bộ và mạng Internet.

Câu 15: Đúng hay Sai về Tổ chức Hội thảo

a) Hội thảo này nhằm tìm hiểu về vai trò của chuyên viên công nghệ thông tin trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, tài chính, kinh doanh, truyền thông và giải trí.

b) Ban tổ chức hội thảo bao gồm một đại diện từ mỗi nhóm thảo luận trong lớp.

c) Hội thảo phải được tổ chức trực tuyến và không có phần tham gia trực tiếp.

d) Các nhóm phải nộp bài trình bày cho ban tổ chức trước hội thảo 2 ngày.

Câu 16: Đúng hay Sai về Yêu cầu và Hướng dẫn

a) Các nhóm phải thu thập và tổng hợp thông tin để xây dựng bài trình bày.

b) Nhiệm vụ của các nhóm bao gồm việc báo cáo thử và hoàn thiện bài trình bày trước khi hội thảo diễn ra.

c) Ban tổ chức không cần cập nhật kế hoạch cho các nhóm trong quá trình chuẩn bị.

d) Các nhóm phải lập dàn ý cho bài trình bày ngay từ đầu.

CHỦ ĐỀ 7. ỨNG DỤNG TIN HỌC

BÀI 23: CHUẨN BỊ XÂY DỰNG TRANG WEB

Câu 1: Mỗi trang web đầy đủ nhất bao gồm mấy phần chính?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 2: Phần chân trang của một website có thể chứa nội dung nào sau đây?

A. Nội dung website.

B. Thanh điều hướng.

C. Thông tin về bản quyền của website.

D. Thông tin mới cập nhật của website.

Câu 3: Biểu tượng đại diện cho tất cả các trang web trong một website và hiển thị trước địa chỉ trang web trên tab của trình duyệt được gọi là gì?

A. Favicon.

B. Weblogo.

C. Favlogo.

D. Webicon.

Câu 4: Phần mềm hỗ trợ làm trang web của Google là

A. Google Travel.

B. Google Drive.

C. Google Sites.

D. Google Jamboard.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Mỗi trang web phải bắt nguồn từ một nhu cầu cụ thể.

B. Thân trang là phần chứa nội dung của trang web, thường được bố cục thành các khối hình chữ nhật, mỗi khối trình bày một nội dung với tiêu đề riêng.

C. Phần đầu trang có thể bao gồm những liên kết tới các trang mạng xã hội liên quan.

D. Việc xây dựng trang web cần bắt đầu với việc phân tích, xác lập định hướng về mục đích của trang web và đối tượng người dùng.

Câu 6: Khi xây dựng trang web, em cần làm gì để định hình ý tưởng?

A. Xây dựng kiến trúc nội dung, thiết kế mỹ thuật, chọn bảng màu, phong chữ,...

B. Làm logo, favicon, ảnh nền và đặt tên trang web.

C. Lựa chọn phần mềm để xây dựng trang web.

D. Xác định mục đích và đối tượng phục vụ của trang web.

Câu 7: Em nên chọn các phong chữ loại nào cho các bảng chọn trên thanh điều hướng?

A. Monospace.

B. Serif.

C. Fantasy.

D. Sans Serif.

Câu 8: Em nên chọn phong chữ nào cho phần nội dung bài viết trên trang web?

A. Times New Roman.

B. Verdana.

C. Menlo.

D. Courier.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Việc chuẩn bị tư liệu cho trang web là việc kéo dài suốt thời gian thực hiện dự án.

B. Để có thể xác định được rõ mục đích cũng như các yêu cầu cần đặt ra với trang web, cần khảo sát, phân tích các nhu cầu cũng như những đặc điểm của người dùng một cách cẩn thận kỹ lưỡng.

C. Kiểu chữ đậm có ý nghĩa phân biệt, thường dùng khi muốn phân biệt từ ngữ, câu chữ hay phần chú thích.

D. Để gây cảm xúc tốt và thu hút người đọc cần phải chọn một số màu có độ tương phản nhẹ nhàng và hài hoà.

Câu 10: Thông tin nào sau đây là không phù hợp để đưa vào trang web chủ đề “Việt Nam – Vẻ đẹp tiềm ẩn”?

A. Đặc điểm ẩm thực địa phương.

B. Xu hướng nghề nghiệp trong tương lai ở Việt Nam.

C. Những làng nghề truyền thống nổi tiếng Việt Nam.

D. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Câu 11: Em hãy tìm hiểu về hệ màu *Bright and Bold* và cho biết tông màu nào thể hiện sự vui tươi và tích cực?

A. Yellow.

B. Lime Green.

C. Blue and Teal.

D. Fire Red.

B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (2 CÂU)

Câu 12: Mỗi trang web đầy đủ nhất đều có cấu trúc gồm ba phần chính

a) Phần đầu trang (header) của một trang web thường chứa logo, tên trang và thanh điều hướng.

b) Phần thân trang (body) chỉ chứa nội dung văn bản.

c) Mỗi trang web chỉ có một địa chỉ URL duy nhất.

d) Thanh điều hướng giúp người dùng dễ dàng di chuyển giữa các trang con của website.

Câu 13: Xây dựng một trang web không chỉ đơn thuần là tạo ra một không gian trực tuyến, mà còn là một quá trình sáng tạo đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

a) Thiết kế giao diện chỉ cần đảm bảo tính thẩm mỹ, không cần quan tâm đến trải nghiệm người dùng.

b) Bảng màu của trang web nên sử dụng các màu sắc tương phản mạnh để tạo điểm nhấn.

c) Cấu trúc trang web bao gồm thanh điều hướng, phần thân trang và phần chân trang.

d) Khi xây dựng dàn ý tổng thể, cần xác định rõ các thông tin chính muốn truyền đạt và cách sắp xếp chúng.

BÀI 24: XÂY DỰNG PHẦN ĐẦU TRANG WEB

Câu 1: Phần mềm hỗ trợ làm trang web của Google là

A. Google Slides.

- B. Google Express.
- C. Google Pay.
- D. Google Sites.

Câu 2: Phần đầu trang có thể chứa thông tin nào sau đây?

- A. Thông tin liên hệ.
- B. Tiêu đề trang web.
- C. Nội dung trang web.
- D. Những thông tin cần nhấn mạnh thêm.

Câu 3: Phần đầu trang **không** có kích thước tùy chọn nào sau đây?

- A. Chỉ tiêu đề.
- B. Bìa.
- C. Biểu ngữ nhỏ.
- D. Biểu ngữ lớn.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Logo có thể có dạng hình chữ nhật, favicon dạng hình vuông với kích thước 16×16 , 32×32 , 48×48 px.
- B. Có thể chọn ảnh nền trang web từ ảnh trong Google Drive, Google Photos hay ảnh trên Internet.
- C. Các kích thước tùy chọn của phần đầu trang chỉ khác nhau về chiều rộng.
- D. Khi thiết lập ảnh nền cho trang web, độ sáng của ảnh được tự động điều chỉnh để vẫn đọc được phân chữ trên nền.

Câu 5: Biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Điều chỉnh phân ấn tượng nhất của ảnh hiển thị tròn vẹn trong đầu trang.
- B. Huỷ bỏ chế độ tự động điều chỉnh độ sáng của ảnh được chọn làm ảnh nền.
- C. Thêm bộ lọc cho ảnh nền.
- D. Điều chỉnh độ sáng của ảnh nền.

Câu 6: Google Sites sẽ tự động lưu trang web đang tạo vào đâu?

- A. Google Drive.
- B. Files.
- C. Máy tính.
- D. Gmail.

Câu 7: Biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Điều chỉnh chất lượng của ảnh nền.
- B. Chỉnh màu cho ảnh nền.
- C. Điều chỉnh phân ấn tượng nhất của ảnh hiển thị tròn vẹn trong đầu trang.
- D. Huỷ bỏ chế độ tự động điều chỉnh độ sáng của ảnh được chọn làm ảnh nền.

Câu 8: Tại giao diện thiết lập phần đầu trang, em nhập tên tệp lưu trữ trang web ở đâu?

- A. Dòng **Nhập tên trang web**.
- B. Dòng **Loại tiêu đề**.
- C. Dòng **Trang web không có tiêu đề**.
- D. Dòng **Tiêu đề trang**.



Câu 9: Tại giao diện thiết lập phần đầu trang, dòng nào là nơi nhập nội dung tóm tắt trang?



- A. Dòng **Tiêu đề trang**.
- B. Dòng **Trang web không có tiêu đề**.
- C. Dòng **Nhập tên trang web**.
- D. Dòng **Loại tiêu đề**.

Câu 10: Để thiết lập kích thước phần đầu trang, em thực hiện như thế nào?

- A. Nháy chuột **Loại kích thước** và chọn một kích thước.
- B. Nháy chuột **Tùy chọn tiêu đề** và chọn một kích thước.
- C. Nháy chuột **Thay đổi hình ảnh** và chọn một kích thước.
- D. Nháy chuột **Loại tiêu đề** và chọn một kích thước.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Trước khi xuất bản trang web, có thể xem trước bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  rồi chọn xem trên điện thoại, máy tính bảng hay máy tính với các biểu tượng tương ứng.
- B. Khi thiết lập tiêu đề trang, có thể thay đổi kích thước khung văn bản, phong chữ, cỡ chữ, màu sắc hay căn lề, căn dòng,... cho tiêu đề ở các bảng chọn tương ứng.
- C. Nhấp chuột vào nút **Công bố** để xuất bản trang web.
- D. Để sao chép địa chỉ URL của trang web, nhấp chuột vào biểu tượng  và chọn sao chép liên kết.
- Câu 12:** Để thay đổi ảnh nền của phần đầu trang, em thực hiện như thế nào?

- A. Nhấp chuột vào biểu tượng  và thiết lập lại ảnh nền.
- B. Nhấp chuột vào nút **Đặt lại** và thiết lập lại ảnh nền.
- C. Nhấp chuột vào nút **Thay đổi hình ảnh** và thiết lập lại ảnh nền.
- D. Nhấp chuột vào biểu tượng  và thiết lập lại ảnh nền.

B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (1 CÂU)

Google Sites là một công cụ trực quan và dễ sử dụng giúp bạn tạo ra các trang web đơn giản. Bài hướng dẫn này sẽ giúp bạn làm quen với các bước cơ bản để tạo và tùy chỉnh phần đầu trang của một trang web trên Google Sites

- a) Để bắt đầu tạo một trang web mới trên Google Sites, bạn cần đăng nhập vào tài khoản Google.
- b) Để thay đổi hình ảnh nền cho phần đầu trang, bạn phải tải ảnh lên từ máy tính của mình.
- c) Thanh điều hướng của trang web sẽ được thiết lập ngay từ khi tạo phần đầu trang.
- d) Sau khi tạo xong phần đầu trang, bạn có thể xem trước trang web để kiểm tra trước khi xuất bản.

BÀI 25: XÂY DỰNG PHẦN THÂN VÀ CHÂN TRANG WEB

Câu 1: Phần chân trang của một website có thể chứa nội dung nào sau đây?

- A. Bảng chọn các chức năng.
- B. Thông tin tóm tắt của trang.
- C. Những liên kết tới các trang mạng xã hội liên quan.
- D. Nội dung website.



Câu 2: Bảng chọn **Chèn** của giao diện tạo phần thân trang web có mấy nhóm lệnh?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.


Câu 3: Google Sites cung cấp sẵn bao nhiêu mẫu cấu trúc nội dung để tạo phần thân trang web?



- A. 6.
- B. 7.
- C. 8.
- D. 9.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Google Sites cho phép thực hiện tạo phần thân trang theo kiến trúc khối với các mẫu được hỗ trợ sẵn.
- B. Sau khi thiết lập cấu trúc nội dung cho phần thân trang web, nhấp chuột vào biểu tượng  để thêm ảnh vào trang web.
- C. Có thể thay đổi kích thước của bản đồ bằng cách chọn bản đồ rồi kéo thả chuột tại các nút trên khung để được kích thước mong muốn.
- D. Sử dụng biểu tượng  để thêm bản đồ vào trang web.


Câu 5: Để chèn các dữ liệu nhúng từ các ứng dụng Internet khác, em nhấp chuột chọn biểu tượng nào?

- A. .
- B. .

- C.  .
- D.  .

Câu 6: Nếu muốn nhúng Google Maps vào trang web, em có thể thực hiện như thế nào?


- A. Chọn **Bản đồ** ở nhóm thứ nhất của bảng chọn **Chèn**.
- B. Chọn **Biểu đồ** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- C. Chọn **Tài liệu** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- D. Chọn **Bản đồ** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.

Câu 7: Sau khi xác định và có một địa điểm trên bản đồ (có dấu ) , em nhấp chuột vào nút lệnh nào để thêm bản đồ vào trang web?



- A. Nút **Đặt dấu vị trí**.
- B. Nút **Chọn**.
- C. Nút **Thêm bản đồ**.
- D. Nút **Xác nhận**.



Câu 8: Phát biểu nào sau đây **sai**?


- A. Để thiết lập chân trang cho trang web, di chuyển xuống cuối trang và nhấp chuột vào nút

 Thêm chân trang


- B. Các thao tác thay đổi kích thước, di chuyển các đối tượng đã có (khối văn bản, hình ảnh, bản đồ,...) tương tự đối với bản đồ: chọn khối và kéo thả chuột.

- C. Có thể huỷ bỏ một lệnh chỉnh sửa trang web vừa thực hiện bằng nút lệnh  (undo) hay thực hiện lại một lệnh trước đó bằng nút lệnh  (redo).

- D. Nhấp chuột vào nút lệnh  hoặc  nếu muốn sao chép hoặc xoá đối tượng đã chọn.

Câu 9: Để thêm biểu tượng  vào phần chân trang web, em thực hiện như thế nào?

- A. Chọn **Đường liên kết đến mạng xã hội** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- B. Chọn **Trang trình bày** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- C. Chọn **Mục lục** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.
- D. Chọn **Tài liệu** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn**.

Câu 10: Khi thiết lập cấu trúc nội dung cho phần thân trang web, biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Thiết lập màu chữ cho phần nội dung của thân trang web.
- B. Thiết lập màu nền cho phần thân trang web.
- C. Thiết lập trang trí cho phần thân trang web.
- D. Thiết lập bố cục cho phần thân trang web.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (1 CÂU)

Câu 5: Xây dựng phần thân và chân trang cho một trang web đơn giản.





- a) Chỉ có thể chèn văn bản và hình ảnh vào phần thân trang web.
- b) Để thay đổi kích thước của một đối tượng trên trang web, chỉ cần kéo thả chuột.
- c) Phần chân trang của một trang web thường chứa thông tin liên hệ và bản quyền.
- d) Không thể chèn bản đồ Google Maps vào trang web của mình.

BÀI 26: LIÊN KẾT VÀ THANH ĐIỀU HƯỚNG

Câu 1: Để tạo trang con, em sử dụng bảng chọn nào?

- A. Bảng chọn **Chèn**.
- B. Bảng chọn **Giao diện**.
- C. Bảng chọn **Trang**.
- D. Bảng chọn **Cấu trúc**.

Câu 2: Nếu người dùng truy cập bằng điện thoại hay máy tính bảng thì bảng chọn trên thanh điều hướng sẽ được hiển thị như thế nào?

- A. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên trái, ngay sau logo của trang.
- B. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên phải, ngay trước logo của trang.
- C. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên trái, ngay trước logo của trang.
- D. Bảng chọn trên thanh điều hướng có dạng  và nằm bên phải, ngay sau logo của trang.





Câu 3: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Giải pháp hữu hiệu để có thể trình bày đầy đủ văn bản mà không làm hỏng sự cân đối trong trình bày của trang web là tạo ra các trang độc lập và sử dụng các liên kết đến chúng từ phần giới thiệu ở trang chủ.
- B. Các trang web được mở từ bảng chọn của trang chủ được gọi là trang con của trang chủ.
- C. Có thể đưa vào các cụm từ mang liên kết đến các trang khác, làm thành một bảng chọn trên thanh điều hướng.
- D. Các trang con của trang chủ không thể có các trang con của mình.





Câu 4: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Muốn truy cập một trang con thì nháy chuột vào tên trang đó ở bảng chọn được mở ra từ **Trang chủ**.
- B. Google Sites tự động điều chỉnh giao diện trang web khi người dùng truy cập bằng điện thoại hay máy tính bảng.
- C. Sau khi được khởi tạo, các trang con đã có sẵn nội dung giống như trang chủ.
- D. Phần đầu của các trang con được tạo tự động với hình nền của trang chủ và tiêu đề tương ứng với tên trang con.

Câu 5: Để tạo trang con, em thực hiện như thế nào?





- A. Chọn bảng chọn **Trang** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thuộc tính** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- B. Chọn bảng chọn **Trang** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- C. Chọn bảng chọn **Giao diện** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.
- D. Chọn bảng chọn **Chèn** → Chọn  cạnh **Trang chủ** → Chọn **Thêm trang con** → Nhập tên trang con → Chọn **Xong**.


Câu 6: Nếu muốn bảng chọn hiển thị trên máy tính giống như trên điện thoại, em cần thực hiện như thế nào?

- A. Chọn  → Điều hướng → Phần tử xuất hiện nhiều nhất → Bên.
- B. Chọn  → Miền tùy chỉnh → Phần tử xuất hiện nhiều nhất → Bên.
- C. Chọn  → Tùy chỉnh → Phần tử xuất hiện nhiều nhất → Bên.
- D. Chọn  → Bảng chọn → Phần tử xuất hiện nhiều nhất → Bên.

Câu 7: Để gắn liên kết đến trang web với đầy đủ thông tin về Sa Pa vào cụm từ **Độc tiếp**, em thực hiện như thế nào?

Sa Pa là một huyện vùng cao của tỉnh **Lào Cai**, nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, thị trấn Sa Pa ở độ cao 1.600 mét so với mực nước biển, cách thành phố Lào Cai 38 km và 376 km tính từ Hà Nội... **Độc tiếp**

- A. Nháy chuột vào cuối đoạn → Chọn  → Chọn đường liên kết → Nhập **Độc tiếp** vào ô **Văn bản** → Chọn **Áp dụng**.
- B. Nháy chuột vào cuối đoạn → Chọn  → Nhập **Độc tiếp** vào ô **Văn bản** → Chọn đường liên kết → Chọn **Áp dụng**.
- C. Nháy chuột vào cuối đoạn → Chọn  → Chọn  → Chọn đường liên kết → Nhập **Độc tiếp** vào ô **Văn bản** → Chọn **Áp dụng**.

D. Nháy chuột vào cuối đoạn → Chọn  → Chọn đường liên kết → Nhập **Độc tiếp** vào ô **Văn bản** → Chọn **Áp dụng**.

Câu 8: Biểu tượng  dùng để làm gì?

- A. Tương tác làm việc nhóm.
 - B. Đăng nhập tài khoản Google Sites.
 - C. Thiết lập quyền truy cập trang web.
 - D. Tạo liên kết tới các trang mạng xã hội.
- B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (1 CÂU)

Câu 9. Tạo các trang con, liên kết giữa các trang và xây dựng một hệ thống điều hướng rõ ràng giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin trên trang web của mình.

- a) Sử dụng cấu trúc hình cây giúp tăng tính chuyên nghiệp cho trang web.
- b) Việc tạo quá nhiều cấp độ trang con có thể làm cho trang web trở nên phức tạp và khó sử dụng.
- c) Liên kết nội bộ chỉ được đặt trong phần điều hướng của trang web.
- d) Tất cả các trang con đều phải có cùng một giao diện.

BÀI 27: BIỂU MẪU TRÊN TRANG WEB

A. TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (3 CÂU)

Câu 1: Em có thể tạo biểu mẫu bằng ứng dụng nào của Google?

- A. Google Docs.
- B. Google Forms.
- C. Google Sheets.
- D. Google Finance.

Câu 24: Em sử dụng bảng chọn nào để nhúng biểu mẫu đã tạo vào cuối trang chủ?

- A. Bảng chọn **Trang**.
- B. Bảng chọn **Tiện ích**.
- C. Bảng chọn **Giao diện**.
- D. Bảng chọn **Chèn**.


Câu 3: Bản tóm tắt thống kê câu trả lời của biểu mẫu được biểu diễn dưới dạng gì?

- A. Bảng.
- B. Danh sách.
- C. Biểu đồ.
- D. Sơ đồ.

2. THÔNG HIỂU (2 CÂU)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Việc tạo biểu mẫu trên trang web để lấy ý kiến phản hồi của người dùng về bản chất là tạo biểu mẫu bằng ứng dụng Forms của Google rồi nhúng vào trang web được thiết kế bằng Google Sites.

B. Để tạo biểu mẫu mới, em nháy chuột vào biểu tượng .

C. Để nhập tiêu đề cho biểu mẫu, em nháy chuột vào **Mô tả biểu mẫu**.





D. Google Forms cung cấp một số kiểu biểu mẫu được tạo sẵn như: Thông tin liên hệ, Trả lời sự kiện, Lời mời dự tiệc,...

Câu 2: Dữ liệu thống kê phản hồi của người dùng sau khi trang web được xuất bản được tập hợp vào ứng dụng nào của Google?

- A. Google Sheets.
- B. Google Docs.
- C. Google Drive.
- D. Google Keep.


3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Để thêm câu hỏi mới trong biểu mẫu, em nháy chuột chọn nút lệnh nào trong bảng chọn bên phải?

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

Câu 2: Để nhúng biểu mẫu vào cuối trang chủ, em thực hiện như thế nào?

- A. Mở trang chủ → Chọn **Biểu mẫu** ở bảng chọn **Trang** → Chọn biểu mẫu và nhấp chuột vào nút **Chèn** ở góc dưới bên phải
- B. Mở trang chủ → Chọn **Biểu mẫu** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Giao diện** → Chọn biểu mẫu và nhấp chuột vào nút **Chèn** ở góc dưới bên phải
- C. Mở trang chủ → Chọn **Biểu mẫu** ở nhóm thứ ba của bảng chọn **Chèn** → Chọn biểu mẫu và nhấp chuột vào nút **Chèn** ở góc dưới bên phải.





- D. Mở trang chủ → Chọn biểu tượng  trên trang chủ → Chọn **Biểu mẫu** → Chọn biểu mẫu và nhấp chuột vào nút **Chèn** ở góc dưới bên phải

Câu 3: Khi xem dữ liệu thống kê phản hồi, để biết thông tin chi tiết về câu trả lời của từng người, em thực hiện như thế nào?

- A. Mở ứng dụng **Forms** và mở lại biểu mẫu cần xem dữ liệu thống kê → Chọn **Câu trả lời** → Chọn **Bản tóm tắt** → Chọn **Cá nhân**.
- B. Mở ứng dụng **Forms** và mở lại biểu mẫu cần xem dữ liệu thống kê → Chọn **Câu trả lời** → Chọn **Cá nhân**.
- C. Mở ứng dụng **Forms** và mở lại biểu mẫu cần xem dữ liệu thống kê → Chọn **Cài đặt** → Chọn **Cá nhân**.
- D. Mở ứng dụng **Forms** và mở lại biểu mẫu cần xem dữ liệu thống kê → Chọn **Câu trả lời** → Chọn **Xem trong Trang tính**.

4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

Câu 1: Để thiết lập chế độ **Gửi cho người trả lời một bản sao phản hồi của họ**, em thực hiện như thế nào?

- A. Chọn **Câu trả lời** → Nhấp chuột vào biểu tượng  trong mục **Câu trả lời** → Bật chế độ **Thu thập địa chỉ email** (Đã xác minh hoặc Thông tin về người trả lời) → Chọn chế độ **Gửi cho người trả lời một bản sao phản hồi của họ** (Khi được yêu cầu hoặc Luôn luôn).
- B. Chọn **Cài đặt** → Nhấp chuột vào biểu tượng  trong mục **Câu trả lời** → Chọn chế độ **Gửi cho người trả lời một bản sao phản hồi của họ** (Khi được yêu cầu hoặc Luôn luôn).
- C. Chọn **Cài đặt** → Nhấp chuột vào biểu tượng  trong mục **Bản trình bày** → Bật chế độ **Thu thập địa chỉ email** (Đã xác minh hoặc Thông tin về người trả lời) → Chọn chế độ **Gửi cho người trả lời một bản sao phản hồi của họ** (Khi được yêu cầu hoặc Luôn luôn).
- D. Chọn **Cài đặt** → Nhấp chuột vào biểu tượng  trong mục **Câu trả lời** → Bật chế độ **Thu thập địa chỉ email** (Đã xác minh hoặc Thông tin về người trả lời) → Chọn chế độ **Gửi cho người trả lời một bản sao phản hồi của họ** (Khi được yêu cầu hoặc Luôn luôn).

B. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (1 CÂU)

Tạo biểu mẫu trực tuyến bằng Google Forms và nhúng biểu mẫu đó vào một trang web được thiết kế bằng Google Sites

- a) Google Forms chỉ cho phép tạo các biểu mẫu đơn giản, không thể tạo các biểu mẫu phức tạp.
- b) Để nhúng biểu mẫu Google Forms vào trang web Google Sites, cần phải có mã nhúng.
- c) Bạn có thể tùy chỉnh giao diện của biểu mẫu Google Forms để phù hợp với trang web của mình.
- d) Google Forms không tích hợp với các dịch vụ khác của Google như Google Drive.